TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 28-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Trung Hiếu
2. Bà Ngô Thị Hoa

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Toà án nhân dân huyện Văn Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/HSST-QĐ ngày 15/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Ngọc H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21/6/1987 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Hoàng Văn C và con bà Nguyễn Hoài T (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1993 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T1 Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/10/1977 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Phạm Văn T2 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1944; Vợ: Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1980 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án: Bản án số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 07/12/1995 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản"; Bị cáo bị tạm giữ, tạm

giam từ ngày 26/12/2024; hiện đang tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Y. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/9/1979 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Văn H2 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

4. Vương Văn T4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/01/1983 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không đi học; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Vương Thanh T5 (đã chết) và con bà Phạm Thị S, sinh năm 1949; Vợ: Tống Thị C1, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Bản án số; 01/2014/HSST ngày 14/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 (một) năm tù về tội bắt giữ người trái pháp luật, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Văn H4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/02/1973 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1926 và con bà Trần Thị T6, sinh năm 1936; Vợ: Trần Thị H5, sinh năm 1974 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/12/1962 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L1 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị K (đã chết); Vợ: Phạm Thị T7, sinh năm 1969 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

7. Đinh Văn H6; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/3/1981 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Ngọc Q, sinh năm 1957 và con bà Lê Thị H7, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị H8, sinh năm 1981 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: quyết định 180/QĐ-XPHC ngày 05/10/2018 bị Công an huyện V, tỉnh Yên Bái bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1988 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không đi học; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1954; Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2024 đến ngày 30/12/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Xuân T9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/10/1983 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Nguyễn Văn H9 (đã chết) và con bà Vũ Thị Y, sinh năm 1937; Vợ: Phạm Thị M1, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

10. Đinh Văn Q1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/4/1988 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Đinh Công T10 (đã chết) và con bà Trần Thị Ơ, sinh năm 1942; Vợ: Trần Thị H10, sinh năm 1991 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

11. Bàn Xuân T11; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/8/1989 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Con ông Bàn Văn T12, sinh năm 1969 và con bà Bàn Thị Đ1, sinh năm 1970; Vợ: Đặng Thị N1, sinh năm 1998 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Bản án số 14/2017/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "tổ chức đánh bạc", Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 26/12/2024 Bàn Xuân T11, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Xuân T9 đến nhà Nguyễn Văn Đ tại thôn K, xã A, huyện V chơi, uống nước. Tại đây các đối tượng nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. T11 hỏi mượn bát đĩa thì Đ lấy bát đĩa đặt lên bàn, T11 cầm bát đĩa và que đóm cùng với Q1, T9, Nguyễn Văn H1 đi lên đồi quế phía sau nhà Đ để đánh bạc. T11 cắt que đóm làm thành 04 "Quân vị" rồi dùng bật lửa hơ đen một mặt, đặt xuống đĩa cho mọi người đánh bạc. Khi bắt đầu chơi Đinh Văn Q1 là người xóc cái và quy ước phía bên tay phải của Q1 là "cửa chẵn" (sau khi xóc cái, mở bát quân vị sẽ là 02 quân trắng, 02 quân đen hoặc 04 quân trắng, 04 quân đen), phía bên tay trái của Q1 là "cửa lẻ" (sau khi mở bát các quân vị sẽ là 01 quân trắng 03 quân đen hoặc 01 đen 03 quân trắng). Sau đó Q1 cho 04 quân vị vào đĩa, úp bát lại và xóc cái rồi để xuống nền đất, những người chơi sẽ đặt tiền cược. Sau khi những người chơi đã đặt cược thì Q1 mở bát, nếu ai thắng thì Q1 sẽ trả tiền bằng số tiền họ đã đặt cược, nếu người chơi thua thì Q1 thu lấy tiền cược mà người chơi đã đặt. Khi Q1 cầm cái thì Bàn Xuân T11 làm bảng vị cho mọi người chơi nhưng không có ai tham gia.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút Nguyễn Văn Đ gọi điện cho Hoàng Ngọc H, sinh năm 1987, thường trú tại thôn K, xã A, huyện V nói về việc phía sau nhà Đội mọi người đang tập trung đánh bạc, có đến chơi thì đến. Sau đó Đ đi sang gặp Nguyễn Văn D và nói với D nội dung có người tập trung đánh bạc trên đồi phía sau nhà Đ, nghe vậy D đi theo hướng taluy phía sau nhà Đ lên tham gia đánh bạc cùng mọi người. Một lúc sau khi Đ đang ở nhà thì Bàn Xuân T11 gọi điện hỏi có tiền mặt không đưa cho T11, T11 sẽ chuyển khoản, lúc này Hoàng Ngọc H đi đến nên Đ gọi điện cho T11 nói gửi tiền Hoàng Ngọc H cầm lên, T11 đồng ý và chuyển khoản cho Đội 8.000.000 đồng, nhận được tiền Đ đưa cho Hoàng Ngọc H 8.000.000 đồng cầm lên cho T11. Khi lên đến nơi, do không có tiền nên Hoàng Ngọc H hỏi vay của T11 4.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Trong lúc mọi người đang đánh bạc thì Đinh Văn Q1 và Nguyễn Văn H1 về trước do thua hết tiền. Khi Đinh Văn Q1 về thì Hoàng Ngọc H cầm cái cho mọi người chơi, quá trình chơi Hoàng Ngọc H thua nên tiếp tục vay của T11 6.000.000 đồng, sau đó chuyển khoản trả cho T11 số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình các đối tượng đánh bạc có nhiều người đi lên, đi xuống tham gia đánh bạc trong đó có Đinh Văn H6, sinh năm 1981, thường trú tại thôn A, xã A, huyện V; Vương Văn T4, sinh năm 1983, Phạm Văn T1, sinh năm 1977 và Trần Văn H4, sinh năm 1973 cùng thường trú tại thôn K, xã A, huyện V.

Đến 14 giờ, cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện V phát hiện bắt quả tang: Hoàng Ngọc H, Phạm Văn T1, Trần Văn H4, Vương Văn T4, Đinh Văn H6 và Nguyễn Văn D bị bắt giữ tại chỗ còn các đối tượng khác bỏ chạy. Thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc gồm: Nhiều mảnh vỡ của 01 đĩa sứ màu trắng; 01 bát sứ màu trắng, 03 quân bài tú lơ khơ gồm 2 rô, 3 rô và 4 rô; Thu giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 11.800.000 đồng.

Ngày 26/12/2024 và ngày 27/12/2024 Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Đ lần lượt đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để làm việc; ngày 02/01/2025 Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1 ra đầu thú; ngày 07/01/2025 Bàn Xuân T11 ra đầu thú.

Quá trình điều tra xác định được tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 15.140.000 đồng, trong đó: Hoàng Ngọc H có 10.000.000 đồng (khi bị bắt đang thua, thu giữ trên người 7.200.000 đồng; Phạm Văn T1 có 400.000 đồng (trong đó T1 có 200.000 đồng còn D và H6 mỗi người cho T1 100.000 đồng), khi bị bắt đang thắng, thu giữ 800.000 đồng; Nguyễn Văn H1 có 300.000 đồng (thua hết); Vương Văn T4 có 1.500.000 đồng, khi bị bắt đang thắng, thu giữ 2.000.000 đồng; Trần Văn H4 có 1.140.000 đồng (trong đó vay Tình 1.000.000 đồng), khi bị bắt đang thắng thu giữ 1.600.000 đồng; Nguyễn Văn D có 200.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 200.000 đồng; Đinh Văn H6 có 200.000 đồng (thua hết); Nguyễn Xuân T9 có 400.000 đồng (thua hết); Đinh Văn Q1 có 1.000.000 đồng (thua hết).

Tại bản kết luận giám định số: 139/KL-KTHS ngày 20/02/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Y kết luận: " 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, 36 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng, 35 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật".

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS-VY ngày 18 tháng 03 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Hoàng Văn H11, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn H1, Vương Văn T4, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1, Bàn Xuân T11 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H11, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn H1, Vương Văn T4, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1, Bàn Xuân T11 phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật**.** Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội "Đánh bạc". Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vương Văn T4 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H4 từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn H6 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T9 từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn Q1 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2.11. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bàn Xuân T11 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 11.800.000 đồng

- Tịch thu tiêu hủy: Nhiều mảnh vỡ của 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bát sứ màu trắng, 03 quân bài tú lơ khơ gồm 2 rô, 3 rô và 4 rô.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo thành khẩn khai báo, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 14 giờ ngày 26/12/2024 các bị cáo Hoàng Ngọc H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn H1, Vương Văn T4, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1 cùng nhau đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa được thua bằng tiền Việt Nam đồng tại đồi quế thuộc thôn K, xã A, huyện V. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc xác định được là 15.140.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Bàn Xuân T11 không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có hành vi giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn Đ cho mượn bát, đĩa để làm dụng cụ đánh bạc; thông báo cho bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc H đến tham gia đánh bạc; Bị cáo Bàn Xuân T11 cho bị cáo Hoàng Ngọc H và bị cáo Đinh Văn Q1 vay tiền để đánh bạc nên các bị cáo Đ, T11 cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc"

Xét các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị pháp luật cấm, song vì hám lợi mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Hoàng Ngọc H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn H1, Vương Văn T4, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1, Bàn Xuân T11 đã phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Đánh bạc là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà nước ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị nợ nần, tệ nạn cờ bạc cũng là nguyên nhân gây nên các loại tội phạm khác. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, cần phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, không có người tổ chức, chỉ huy; không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể giữa các đồng phạm; Các bị cáo Hoàng Ngọc H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn H1, Vương Văn T4, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1 là những người trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò là người thực hành trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Bàn Xuân T11 mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có hành vi giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn Đ cho mượn bát, đĩa để làm dụng cụ đánh bạc, thông báo cho bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc H đến tham gia đánh bạc; Bị cáo Bàn Xuân T11 cho bị cáo Hoàng Ngọc H và bị cáo Đinh Văn Q1 vay tiền để đánh bạc; nên các bị cáo được xác định là đồng phạm với vai trò là người giúp sức trong vụ án.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Nhân thân: Bị cáo Phạm Văn T1 ngày 07/12/1995 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản"; Bị cáo Bàn Xuân T11: Bản án số 14/2017/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử về tội "tổ chức đánh bạc"; Bị cáo Vương Văn T4: Bản án số 01/2014/HS-ST ngày 14/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội "bắt giữ người trái pháp luật". Bị cáo Đinh Văn H6: Quyết định số 180/QĐ-XPHC ngày 05/10/2018 của Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc".

[5.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn T1: Tại bản án số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo chưa thi hành khoản tiền truy thu, tiền phạt của bản án nên chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Ngọc H, Nguyễn Văn H1, Trần Văn H4, Nguyễn

Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1, Bàn Xuân T11 sau khi sự việc được phát hiện đã đến Cơ quan Công an để đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Vương Văn T4, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1 có bố, mẹ đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[6] Về hình phạt chính: Các bị cáo Hoàng Ngọc H, Nguyễn Văn H1, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt; Bị cáo Bàn Xuân T11, Vương Văn T4, Đinh Văn H6 mặc dù có nhân xấu, nhưng các bị cáo đã chấp hành xong quyết định của bản án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tính đến thời điểm phạm tội được coi là chưa có tiền án, tiền sự; Xét tính chất mức độ của tội phạm mới các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đồng phạm với vai trò thứ yếu trong vụ án. Ngay sau khi sự việc được phát hiện bị cáo T11 đã ra đầu thú, bị cáo T4 có bố đẻ được tặng huân chương kháng chiến.

Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội vẫn có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Vì vậy, cần xem xét cho các bị cáo hưởng chế định về án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[8] Về vật chứng và các tài sản khác:

- Đối với số tiền bị thu giữ khi bắt quả tang là 11.800.000 đồng, đây là số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Do vậy, cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với nhiều mảnh vỡ của 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bát sứ màu trắng, 03 quân bài tú lơ khơ gồm 2 rô, 3 rô và 4 rô các bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội, các vỏ phong bì sau khi mở niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc H, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn H1, Vương Văn T4, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1, Bàn Xuân T11 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hoàng Ngọc H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/12/2024. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

2.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vương Văn T4 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Vương Văn T4 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Vương Văn T4 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H4 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn H4 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Văn H4 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn H6 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đinh Văn H6 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đinh Văn H6 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi

hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T9 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân T9 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Xuân T9 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn Q1 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đinh Văn Q1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đinh Văn Q1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.11. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bàn Xuân T11 01 (một)

năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Bàn Xuân T11 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bàn Xuân T11 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự và trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.800.000 (mười một triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Tịch thu tiêu huỷ: Nhiều mảnh vỡ của 01 đĩa sứ màu trắng, 01 bát sứ màu trắng, 03 quân bài tú lơ khơ gồm 2 rô, 3 rô và 4 rô và các vỏ phong bì sau khi mở niêm phong.

(Đặc điểm chi tiết toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng 15/4/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Hoàng Văn H11, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn H1, Vương Văn T4, Trần Văn H4, Nguyễn Văn D, Đinh Văn H6, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T9, Đinh Văn Q1, Bàn Xuân T11 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Yên

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Bái;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Bị cáo (11);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA